

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 24/01/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo.
2. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Q**, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp M, xã PL, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2.Bị đơn: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Bà Bùi Thị Kim Ph, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp ML, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Q trình bày:**

Do chỗ quen biết nhau, bà nhận vợ chồng ông L, bà Ph làm con nuôi nên từ năm 2013 đến đầu năm 2020 bà thường cho ông L, bà Ph mượn tiền nhiều lần để làm ăn. Đầu năm 2018, ông L bà Ph xây nhà ở nên có mượn tiền của bà với số tiền 300.000.000đồng không tính lãi suất, bà Ph nhận tiền nhưng không viết biên nhận. Đến đầu năm 2020, do số tiền nợ nhiều bà sợ quên dẫn đến cự cãi nên yêu cầu viết biên nhận thì bà Ph ký biên nhận nợ cho bà. Nay bà yêu cầu ông L, bà Ph trả cho bà số tiền 300.000.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông L, bà Ph không trả được còn phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai bị đơn Bùi Thị Kim Ph trình bày:**

Ngày 01/01/2020, bà có ký biên nhận nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng Q với số tiền 300.000.000đồng. Bà Ph đồng ý đây là nợ riêng của bà do bà tự chơi hụi và hốt hụi sử dụng cá nhân bà, ông L không biết số nợ này. Sau khi ký biên nhận nợ bà có trả cho bà Q được 11.000.000đồng thì bà bị tai nạn nên nghỉ làm không có thu nhập để trả nợ tiếp cho bà Q. Nay bà Q khởi kiện, bà đồng ý trả cho bà Q số tiền 289.000.000đồng xin trả dần từ tháng 5/2021 đến tháng 5/2022 trả mỗi tháng 3.000.000đồng; từ tháng 6/2022 trả mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi hết số nợ trên cho bà Q. Số tiền nợ này là nợ riêng của bà không liên quan đến ông L nên bà không đồng ý liên đới cùng ông L trả nợ cho bà Q.

***Tại bản tự khai bị đơn Trần Văn L trình bày:**

Ông và bà Bùi Thị Kim Ph đã ly hôn vào tháng 6/2020, thời gian còn sống chung bà Phụng mượn nợ của nhiều người sử dụng vào việc gì ông không biết. Bà Q có cho bà Ph mượn tiền nhưng giấu không cho ông biết, nay bà Q khởi kiện yêu cầu ông và bà Ph liên đới trả số tiền 300.000.000đồng, ông không đồng ý vì đây là nợ riêng của bà Ph.

*Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng Q vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bà Q yêu cầu ông L và bà Ph liên đới trả số nợ 300.000.000đồng cho bà. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khai nhận có cho bị đơn vay tiền, bị đơn cũng thừa nhận việc vay tiền nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Hai bên xác lập giao dịch dân sự năm 2018 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Q tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Trần Văn L và Bùi Thị Kim Ph có địa chỉ: ấp ML, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị Kim Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; bị đơn Trần Văn L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về chứng cứ vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng Q cung cấp biên nhận do bà Bùi Thị Kim Ph ký tên, bà Ph cũng thừa nhận số nợ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy bà Bùi Thị Kim Ph và ông Trần Văn L là vợ chồng, tại thời điểm diễn ra giao dịch vay tiền giữa bà Ph và bà Q thì bà Ph và ông L là vợ chồng hợp pháp. Đến tháng 6/2020, ông L và bà Ph ly hôn tuy nhiên số tiền nợ phát sinh từ năm 2018 đến đầu năm 2020 thì bà Q yêu cầu viết biên nhận nên bà Ph mới ký biên nhận cho bà Q nên Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ trả nợ vay của bà Ph và ông L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nghĩa vụ chung của bà Ph và ông L. Sau khi vay tiền, bà Ph và ông L không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng phải có

trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bà Q khai nhận do bà Ph, ông L xây nhà nên bà mới cho vay tiền. Bà Ph thừa nhận số tiền thiếu bà Q nhưng không phải tiền vay mà là tiền hụi bà Ph tự tham gia và hốt hụi tiêu xài riêng ông L không biết số nợ này đến tháng 01/2020 bà ký biên nhận nợ cho bà Q. Về phía ông L, ông cho rằng thời gian sống chung bà Ph mượn nợ của nhiều người để tiêu xài riêng trong đó có bà Q, việc vay mượn giữa bà Q và bà Ph ông hoàn toàn không biết nên ông không đồng ý liên đới cùng bà Ph trả số nợ này. Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tiền giữa bà Q và bà Ph phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nghĩa vụ chung của vợ chồng, việc bà Ph vay tiền của nhiều người với số tiền lớn nhưng bà khai là tiêu xài riêng nên ông L không biết là không có cơ sở chấp nhận. Do đó yêu cầu của bà Q yêu cầu Tòa án buộc bà Ph ông L cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Hồng Q yêu cầu bà Bùi Thị Kim Ph và ông Trần Văn L liên đới trả số nợ 300.000.000đồng, yêu cầu trả một lần. Xét việc vay tiền từ năm 2018 đến tháng 01/2020 thì bà Ph viết biên nhận nợ và đồng ý trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ. Tại bản tự khai bà Ph cho rằng bà đã trả cho bà Q 11.000.000đồng, bà Q không thừa nhận đã nhận số tiền này; bà Ph không có chứng cứ chứng minh nên hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu trả số tiền 289.000.000đồng của bà Ph. Quá trình giải quyết vụ án bà Ph xin trả dần từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2022 bà trả cho bà Quang mỗi tháng 3.000.000đồng, sau tháng 6/2022 thì bà trả mỗi tháng 2.000.000đồng nhưng bà chưa thực hiện việc trả nợ nên bà Q không đồng ý cho bà Ph và ông L trả dần số nợ trên. Do bà Ph, ông L vi phạm nghĩa vụ nên buộc trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị Kim Ph và ông Trần Văn L phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Hồng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Q.

Buộc ông Trần Văn L và bà Bùi Thị Kim Ph liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Q số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Ph, ông L chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Kim Ph và ông Trần Văn L phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng Q số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20930 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ph, ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền